

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 28/01/2021
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Hương**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Trung Hưng**

Bà **Đỗ Thị Nhung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Thanh Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông **Phùng Đức Nam** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2020/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 265/2020/HNGĐ-ST ngày 21-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thùy L**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: khu phố M, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Lê Tuyên V**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: khu phố M, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Do có đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Tuyên V.

(Ông V, bà L có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Tuyên V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Biên Hòa vào năm 2013. Quá trình chung sống chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó từ năm 2018 thì cả hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng thường xuyên lục đục, xích mích. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ

chồng bất đồng quan điểm, suy nghĩ của hai vợ chồng trái ngược dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì không muốn gia đình đổ vỡ đã nhiều lần bà và ông V ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Hiện cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm với chồng thật sự không còn từ lâu, vợ chồng không còn sự gắn kết về tình cảm, không có sự chia sẻ trong cuộc sống, sống chung nhưng lạnh nhạt và rất ngột ngạt, từ đó mục đích hôn nhân cũng không đạt được, nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Lê Tuyên V.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Minh T1, sinh ngày 22/7/2019. Sau khi ly hôn bà xin được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu T1. Tạm thời không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Tuyên V trình bày: Về quan hệ hôn nhân, quá trình tìm hiểu, đi đám cưới và đăng ký kết hôn như bà L trình bày ông đồng ý và không có ý kiến. Vợ chồng ông chung sống với nhau từ năm 2000, nhưng đến năm 2013 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hoà. Trong thời gian chung sống với nhau 20 năm thì ông vẫn thấy gia đình bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ do hai bên hiểu lầm lẫn nhau và bởi tính chất công việc bận rộn, ông phải đi làm kiếm tiền, bản thân cũng không biết cách sắp xếp công việc để dành thời gian cho vợ con, nên vợ chồng từ đó xa cách tình cảm, không có sự gần gũi, chia sẻ với nhau. Thêm nữa do con trai lớn là Lê Minh T2 bị mất vì tai nạn giao thông dẫn đến bà L bị trầm cảm. Ông xác định mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh vào khoảng cuối tháng 12 năm 2019 khi con trai nhỏ mới sinh được 6 tháng tuổi. Hiện hai vợ chồng ông đã sống ly thân được 5 tháng, mỗi người sống một nhà, con đang do vợ ông chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay vợ ông xin ly hôn thì ông không đồng ý vì còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Ông V xác định ông và bà L có 01 con chung là cháu Lê Minh T1, sinh ngày 22/7/2019. Do ông không đồng ý ly hôn nên đề nghị Toà án căn cứ vào bản tự khai cũng như lời trình bày của ông tại phiên toà ngày hôm nay để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được và phải ly hôn thì ông sẽ khởi kiện bằng một vụ án chia tài sản chung khác, hiện nay ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trọng vụ án này.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 265/2020/HNGĐ-ST ngày 21-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9; Điều 11; Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thuỳ L được ly hôn với ông Lê Tuyên V.

Về con chung: Giao Lê Minh T1, sinh ngày 22/7/2019 cho bà Nguyễn Thị Thuỳ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Lê Tuyên V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì không trực tiếp nuôi con, nên ông Lê Tuyên V được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, việc thi hành bản án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 25/9/2020, ông Lê Tuyên V có đơn kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 265/2020/HNGĐ-ST ngày 21-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thuỳ L và ông Lê Tuyên V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hòa nên được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà L đã cho ông V cơ hội nhiều lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông V không thay đổi, nay bà L cương quyết ly hôn do không còn tình cảm với ông V. Ông V kháng cáo không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào để thuyết phục bà L. Do đó kháng cáo của ông V là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bác kháng cáo của ông Lê Tuyên V, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 265/2020/HNGĐ-ST ngày 21-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định chính xác và đầy đủ.

[1.2] Bị đơn ông Lê Tuyên V gửi đơn kháng cáo trong thời hạn và đóng tạm ứng án phí theo quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Tuyên V và bà Nguyễn Thị Thùy L: Ông V và bà L kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, bắt đầu từ năm 2018 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bà L đã cho ông V cơ hội nhiều lần nhưng ông V vẫn không thay đổi để cùng nhau xây dựng và chăm sóc cho gia đình. Hiện tại, bà L và ông V đã sống ly thân với nhau. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L xác định không còn tình cảm với ông V nên cương quyết muốn ly hôn. Ông V kháng cáo không đồng ý với việc ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy L.

Về con chung: Ông V và bà L có 01 con chung là cháu Lê Minh T1, sinh ngày 22/7/2019. Hiện nay cháu T1 đang ở với bà L và được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ. Xét thấy, cháu Lê Minh T1 hiện nay còn quá nhỏ, chưa được 36 tháng tuổi nên cần có sự yêu thương chăm sóc nuôi dưỡng từ người mẹ, cần thiết giao cháu T1 cho bà L nuôi dưỡng tiếp. Ông V được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung: Tại cấp sơ thẩm bà L, ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết. Ông V có quyền khởi kiện vụ án khác về tranh chấp tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn.

Từ những căn cứ trên không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Tuyên V giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 265/2020/HNGĐ-ST ngày 21-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông V không được chấp nhận nên ông V phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Tuyên V, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 265/2020/HNGĐ-ST ngày 21-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9; Điều 11; Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thuỳ L. Bà Nguyễn Thị Thuỳ L được ly hôn với ông Lê Tuyên V.

Về con chung: Giao Lê Minh T1, sinh ngày 22/7/2019 cho bà Nguyễn Thị Thuỳ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Lê Tuyên V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì không trực tiếp nuôi con, nên ông Lê Tuyên V được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thuỳ L phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009632 ngày 30/06/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà L đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm

Ông Lê Tuyên V phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006718 ngày 25/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND Tp. Biên Hòa;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Thu Hương